

Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Đức Chính.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thanh Nhân -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-VDS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST-VDS ngày 12/4/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Đoàn Minh Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Vũ Thị L, sinh ngày 16/3/1973 và ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1967; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn K vì xác định: Tại Chứng nhận kết hôn số 46 ngày 01/12/1989 của UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện T, tỉnh Hải Dương) ghi bà Vũ Thị L, sinh năm 1972 kết hôn với ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967 không đúng với năm sinh của bà Vũ Thị L tại Giấy chứng minh nhân dân của bà L và Sổ Hộ khẩu (chủ hộ Nguyễn Văn K có tên bà L): Ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1967, bà Vũ Thị L, sinh ngày 16/3/1973. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/12/1989, ông K được 22 tuổi 01 tháng 05 ngày, đủ tuổi đăng ký kết hôn; bà L được 16 tuổi 08 tháng 15 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên). Để đủ tuổi đăng ký kết hôn, bà L khai sinh năm 1972 là không đúng với năm sinh thực tế của mình và do sơ

suất của cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn chỉ căn cứ vào lời khai của bà L, ông K mà không yêu cầu xuất trình Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra, đối chiếu cho chính xác dẫn đến việc kết hôn trái pháp luật. Phát hiện việc đăng ký kết hôn và đã cấp Chứng nhận kết hôn cho ông K, bà L là trái pháp luật, đại diện UBND xã C, huyện T là Ông Đoàn Minh Đ, Chủ tịch UBND xã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn K căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 01 tháng 12 năm 1989 của UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là huyện T, tỉnh Hải Dương).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày: Ông bà được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là huyện T, tỉnh Hải Dương) ngày 01/12/1989. Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn K khi biết UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật nêu trên thì ông bà cũng xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà L chưa đủ tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, ông bà đồng ý với yêu cầu của UBND xã C, huyện T và không có ý kiến gì. Việc ghi bà L sinh năm 1972 trong Chứng nhận kết hôn là do bà L khai với cán bộ tư pháp để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con là Nguyễn Thị M, sinh ngày 25/8/1991 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 16/01/1994. Hiện tại ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc, có con chung, tài sản chung nhưng vì năm sinh của bà L ghi trong giấy chứng nhận kết hôn và trong giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, không khớp nhau dẫn đến cuộc sống của ông bà bị ảnh hưởng và khó khăn khi làm các thủ tục khác. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm bà L đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện: Áp dụng Điều 8, 10, 11, khoản 6 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1967 và bà Vũ Thị L, sinh ngày 16/3/1973, tại thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn là ngày 16/3/1991.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí theo quy định; ông K, bà L có đơn yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng nên phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] *Về Tổ tụng và thẩm quyền giải quyết*: UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương là nơi đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 01/12/1989 cho bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn K đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, vì vậy UBND xã C có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật; bà L, ông K có đơn yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà kể từ thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn, căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền. Đại diện UBND xã C, huyện T, ông Nguyễn Văn K và bà Vũ Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên họp phù hợp với quy định tại khoản 2,3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/12/1989, ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1967 được 22 tuổi, 01 tháng 05 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Bà Vũ Thị L, sinh ngày 16/3/1973 được 16 tuổi 08 tháng 15 ngày chưa đủ tuổi kết hôn, do vậy bà L đã khai tăng tuổi sinh năm 1972 để đủ tuổi kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch cán bộ đăng ký kết hôn là ông Ngô Mạnh T - Cán bộ tư pháp và ông Vũ Minh K - Ủy viên thư ký UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Hưng không kiểm tra giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình mà chỉ căn cứ vào tờ khai của ông K, bà L, UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Hưng đã đăng ký kết hôn cho bà L, ông K, tại giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 01/12/1989, ghi họ tên vợ Vũ Thị L, sinh năm 1972 không đúng với năm sinh thực tế của bà L là sinh ngày 16/3/1973. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/12/1989 bà L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã C đã đăng ký kết hôn cho ông K, bà L là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại thời điểm UBND xã C, huyện T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, bà L, ông K đều xác định ông bà có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tài sản chung nhưng vì năm

sinh của bà L không khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình của ông bà. Ông K, bà L đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm bà L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông K, bà L kể từ thời điểm bà L đủ điều kiện kết hôn là ngày 16/3/1991.

Ủy ban nhân dân xã C, huyện T có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của ông K, bà L theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, 31 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

Về con chung, tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị L, sinh ngày 16/3/1973 thể hiện trong giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn ghi bà L, sinh năm 1972 là không khớp nhau, bà có đơn đề nghị và được UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương xác nhận là một người.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; Bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn K.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà L, ông K: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/10/1967, bà Vũ Thị L, sinh ngày 16/3/1973; Nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm bà L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 16/3/1991.

3. Về lệ phí: UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn K phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà L đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0002302 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Bà L, ông K đã nộp.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Người yêu cầu;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Phạm Đức Chính